

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày 10 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm NLC1 Xuân.

Ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/HSST-QĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1959, tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh lưu trú; trình độ NLC1 hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B (đã chết) và bà Phạm C (đã chết); có cNLQ2 là Lê M và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/12/2020 đến ngày 07/01/2021 được cho tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị NLQ1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Chị NLQ2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

3. Anh NLC1, sinh năm 1981. Vắng mặt.

4. Anh NLC2, sinh năm 2002. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L là người quản lý nhà nghỉ Minh L, địa chỉ thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng hơn 12 giờ ngày 30/12/2020, Nguyễn Thị L đang ở nhà nghỉ Minh L thì NLQ1 đến thuê phòng nghỉ, L xếp cho NLQ1 nghỉ tại phòng 203, sau khi thuê phòng NLQ1 gặp L trình bày đi làm công ty nhưng thất nghiệp, không có tiền nên nhờ L giúp đỡ bằng cách có người đến tìm mua dâm thì NLQ1 bán dâm để kiếm tiền, L đồng ý. Sau đó hai bên thỏa thuận nếu có người đến tìm mua dâm thì L thu của khách 300.000 đồng, sau khi thu tiền L bố trí cho NLQ1 bán dâm tại phòng của nhà nghỉ Minh L, mỗi lần bán dâm xong NLQ1 lấy 200.000 đồng còn L hưởng 100.000 đồng. Thỏa thuận xong NLQ1 và L trao đổi số điện thoại để liên lạc, L nói với NLQ1 ở quầy lễ tân có bao cao su khi bán dâm NLQ1 lấy sử dụng.

Khoảng 15 phút sau NLQ2, đến gặp L trình bày đi làm công ty nhưng bị thất nghiệp, hiện đang có con nhỏ cần tiền nuôi con và sử dụng cá nhân muốn L giúp cho thuê phòng để nghỉ và có khách thì NLQ2 sẽ bán dâm lấy tiền, L đồng ý. Sau đó NLQ2 và L thỏa thuận có khách mua dâm L sẽ thu của Khách 300.000 đồng và để NLQ2 bán dâm tại phòng của nhà nghỉ do L quản lý, sau mỗi lần bán dâm NLQ2 lấy 150.000 đồng còn L hưởng 150.000 đồng, sau khi thống nhất xong NLQ2 cho L số điện thoại để liên lạc, L xếp cho NLQ2 nghỉ tại phòng 202 của nhà nghỉ và bảo với NLQ2 khi bán dâm lấy bao cao su tại quầy lễ tân sử dụng.

Khoảng 13 giờ 30 ngày 30/12/2020, NLC2 rủ NLC1 đến nhà nghỉ Minh L tìm mua dâm, khi đến nhà nghỉ NLC1 gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề cần 02 phòng và 02 nhân viên (gái bán dâm) L bảo có, NLC1 trực tiếp trao đổi với L về giá tiền, sau đó NLC1 trả 600.000 đồng cho cả NLC1 và NLC2, bao gồm cả tiền phòng và tiền mua dâm. Sau khi nhận tiền L bảo một người lên phòng 204, một người lên phòng 206 nhà nghỉ đợi; NLC2 đi vào phòng 204 còn NLC1 đi vào phòng 206, sau khi xếp phòng xong L bảo NLQ2 vào phòng 206 và gọi điện bảo NLQ1 vào phòng 204 để bán dâm cho khách. Sau khi L gọi đi bán dâm, NLQ2 và NLQ1 đi qua quầy lễ tân mỗi người lấy 01 chiếc bao cao su rồi NLQ2 vào phòng 206 còn NLQ1 vào phòng 204 bán dâm, khi NLQ1 và NLC2, NLQ2 và NLC1 đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Hữu Lũng bắt quả tang.

Với nội dung như trên Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L, về tội Chứa mại dâm, theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L, phạm tội Chứa mại dâm.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Áp dụng khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung là phạt tiền từ 15 - 20 triệu đồng đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus; 01 điện thoại nhãn hiệu Itel. Tịch thu tiêu hủy: 17 chiếc bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu Silver fox; 12 chiếc bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu Vip condom; 01 chiếc bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu Romantic rose; 01 chiếc bao cao su nhãn hiệu Silver fox đã bị xé rách vỏ. Trả lại cho Nguyễn Thị L số tiền 82.090.000 đồng; 01 quyển sổ quản lý lưu trú. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Không ai có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 13 giờ 55 phút ngày 30 tháng 12 năm 2020, Nguyễn Thị L đã có hành vi sử dụng phòng 204, 206 nhà nghỉ Minh L ở thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là nơi mình quản lý, để cho các đối tượng cùng đến mua bán dâm. Nguyễn Thị L là người trực tiếp nhận 600.000 đồng từ người mua dâm NLC2 cho cả hai phòng 204, 206. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội Chứa mại dâm, được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, là nguyên nhân lây truyền các bệnh xã hội và ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo được chính quyền địa phương và Ban giám hiệu trường Trung học cơ sở thị trấn Hữu Lũng xác nhận, trong quá trình sinh sống, lao động chấp hành tốt nghĩa vụ công dân và được tặng thưởng kỷ niệm chương, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và về mức hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền, xét thấy bị cáo là người có tài sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, để đảm bảo tính chất răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với tiền, tài sản liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với vật chứng không có giá trị tịch thu tiêu hủy. Đối với tiền, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội Chứa mại dâm.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/5/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL.

- Tịch thu tiêu hủy: 17 chiếc bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu Silver fox; 12 chiếc bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu Vip condom; 01 chiếc bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu Romantic rose; 01 chiếc bao cao su nhãn hiệu Silver fox đã bị xé rách vỏ.

- Trả lại cho Nguyễn Thị L 82.090.000 đồng (tám mươi hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng); 01 quyển sổ quản lý lưu trú.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, chi tiết các vật chứng được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31 tháng 3 năm 2021)

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn